TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 1259/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 17/12/2021.
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Trang

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Tùng

2/ Ông Nguyễn Văn Tính

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Cao Hoàng Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 237/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 8435/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10032/2021/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bé M, sinh năm 1979 (có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ: 548A C, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyen Van L, sinh năm 1969 (vắng mặt)
Quốc tịch: Hoa Kỳ (American)
Địa chỉ: 14431 V St., G Grove, CA 92844, USA.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 26/6/2020 và bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé M trình bày:

Bà và ông Nguyen Van L kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 65 do Ủy ban nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/3/2019. Sau khi kết hôn thì ông Nguyen Van L trở về Hoa Kỳ sinh sống còn bà vẫn ở tại Việt Nam. Thời gian đầu ông bà còn liên lạc qua điện thoại nhưng đến năm 2020 thì ông bà không còn liên lạc nữa. Bà nhận thấy giữa vợ chồng không hòa hợp, ngày càng phát sinh mâu thuẫn, không có tiếng nói chung, khả năng đoàn tụ không có nên bà đề nghị Tòa án cho được ly hôn với ông Nguyen Van L để ổn định cuộc sống.

Con chung: Bà Nguyễn Thị Bé M khai không có.

Tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Bé M khai không có.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã có công văn số 744/UTTPDS- TA30 về thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp gửi Bộ Tư pháp yêu cầu cơ quan có thẩm quyền của Hoa Kỳ thông báo việc thụ lý vụ án, tiến hành lấy lời khai và thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thời gian mở phiên tòa xét xử sơ thẩm cho ông Nguyen Van L.

Ngày 02 tháng 6 năm 2021, Bộ Tư pháp đã có công văn số 1469/BTP-PLQT về kết quả thực hiện ủy thác tư pháp. Theo đó, Cơ quan có thẩm quyền của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ đã thực hiện ủy thác tư pháp nêu trên vào ngày 26/01/2021 bằng phương thức: Tống đạt hồ sơ trực tiếp cho đương sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé M có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng giải quyết vụ án, hòa giải và xét xử vì lý do bận công việc.

Bị đơn ông Nguyen Van L đã được Tòa án nhân Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành ủy thác tư pháp hợp lệ để tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng ông Nguyen Van L không có văn bản trả lời và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Bà M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông Nguyen Van L vắng mặt dù đã được tống đạt hợp lệ nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bé M:

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bé M được ly hôn với ông Nguyen Van L.

+ Về con chung: Không có.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

+ Về án phí: Bà Nguyễn Thị Bé M phải chịu án phí đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Xét yêu cầu của nguyên đơn thuộc tranh chấp về ly hôn, bị đơn ông Nguyen Van L đang cư trú hợp pháp tại Hoa Kỳ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về vắng mặt đương sự: Xét bà Nguyễn Thị Bé M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Ông Nguyen Van L đã được Tòa án nhân Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành ủy thác tư pháp thông báo thời gian xét xử nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Bé M, ông Nguyen Van L theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Bé M, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 65 do Ủy ban nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/3/2019 có đủ cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Bé M và ông Nguyen Van L là hôn nhân hợp pháp thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Sau khi kết hôn bà M khai rằng sau khi kết hôn thì ông Nguyen Van L trở về Hoa Kỳ sinh sống. Từ năm 2020 đến nay thì ông bà không liên lạc được với nhau nữa. Bà và ông Nguyen Van L mâu thuẫn ngày càng nhiều, không có tiếng nói chung, vợ chồng không hòa hợp, khả năng đoàn tụ không có. Xét thấy vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau san sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; nghĩa vụ sống cùng với nhau trong khi hai vợ chồng bà M và ông Nguyen Van L mỗi người một nơi, đã không còn quan tâm nhau, tình cảm vợ chồng càng không có điều kiện vun đắp. Tòa án đã tiến hành thủ tục tống đạt hợp lệ cho ông Nguyen Van L nhưng ông Nguyen Van L không có văn bản trả lời và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt chứng tỏ ông không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này nên có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện, bà Nguyễn Thị Bé M được ly hôn với ông Nguyen Van L theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình như lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Con chung: Bà Nguyễn Thị Bé M khai không có.

Tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Bé M khai không có.

[3] Án phí, chi phí tố tụng khác:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Nguyễn Thị Bé M phải chịu số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

Về phí ủy thác tư pháp và các chi phí khác bà Nguyễn Thị Bé M chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38, Khoản 4 Điều 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228; Khoản 1 Điều 273; Điều 464; điểm d Khoản 1, Khoản 2 Điều 469, điểm a Khoản 5 Điều 477, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 53, Điều 54, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé M.

1/ Quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bé M được ly hôn với ông Nguyen Van L.

2/ Con chung: Không có.

3/ Tài sản chung và nợ chung: Không có.

4/ Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé M phải chịu số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0091956 ngày 06/7/2020 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Bé M đã nộp đủ.

5/ Quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, thời hạn kháng cáo là 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bà Nguyễn Thị Bé M nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Đối với ông Nguyen Van L thời hạn kháng cáo bản án là 01 (Một) tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND Tp. HCM ;
- VKSND cấp cao tại Tp. HCM;
- Cục THADS Tp. HCM;
- UBND quận T, Tp.HCM;
- Sở Tư pháp Tp. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (20).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thị Trang